

BÀI LÝ THUYẾT CHUYÊN ĐỀ: ĐỘNG TỪ CHỦ NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE VERBS)

Trong ngữ pháp tiếng Anh, **Động từ chủ nguyên nhân (Causative Verbs)** được sử dụng để diễn tả việc chủ ngữ không tự thực hiện hành động, mà là tác động, nhờ vả, thuê mướn hoặc ép buộc một đối tượng khác thực hiện hành động đó. Dưới đây là cấu trúc chi tiết từ thể chủ động đến thể bị động dành cho học viên.

1. Bảng Tổng Hợp 5 Động Từ Phổ Biến Nhất

ĐỘNG TỪ	Ý NGHĨA CỐT LÕI	CẤU TRÚC CHỦ ĐỘNG	CẤU TRÚC BỊ ĐỘNG
HAVE	Nhờ vả, giao trách nhiệm, thuê mướn dựa trên phân công/trả phí.	<i>Have + Person + V (nguyên thể)</i>	<i>Have/Get + Something + V3/ed (+ by Person)</i>
GET	Thuyết phục, nài nỉ, cầu xin ai đó làm gì cho mình.	<i>Get + Person + to + V</i>	
MAKE	Bắt buộc, cưỡng ép ai đó phải thực hiện hành động.	<i>Make + Person + V (nguyên thể)</i>	<i>Be made + to + V</i> (Dạng bị động thông thường)
LET	Cho phép, để cho ai đó tự do làm gì.	<i>Let + Person + V (nguyên thể)</i>	<i>Be allowed / permitted + to + V</i>
HELP	Giúp đỡ ai đó thực hiện một công việc.	<i>Help + Person + (to) V</i>	(Ít dùng ở dạng bị động)

2. Chi Tiết Cách Dùng, Công Thức Thể Bị Động Và Ví Dụ Minh Họa

A. Cấu trúc với HAVE & GET (Mang tính nhờ vả, thuê mướn)

Dạng chủ động:

- Have + S_{person} + V (nguyên thể)* → Nhờ ai làm việc gì đúng bổn phận hoặc có trả phí.
- Get + S_{person} + to + V* → Thuyết phục, thuyết phục khéo léo để ai làm gì.

Dạng bị động (Chung cho cả Have và Get):

Khi muốn nhấn mạnh vào đối tượng là vật được tác động, ta đưa vật lên trước và biến đổi động từ sang dạng quá khứ phân từ (**V3/ed**).

Have / Get + S_something + V3/ed + (by Person)

Ví dụ minh họa chi tiết:

Chủ động (HAVE): *I had the technician check the computer.*

→ Giải thích: Tôi đã nhờ kỹ thuật viên kiểm tra máy tính (đó là công việc chuyên môn của họ).

Chủ động (GET): *How can parents get their children to read more?*

→ Giải thích: Làm sao để cha mẹ thuyết phục con cái đọc sách nhiều hơn? (Cần sự thuyết phục, dỗ dành).

Chuyển sang Bị động: *I had/get my computer checked by the technician. hoặc I had my brakes checked by the mechanic.*

→ Giải thích: Tôi đã cho kiểm tra phanh xe bởi người thợ cơ khí. (Tập trung vào việc cái phanh xe được sửa).

B. Cấu trúc với MAKE (Mang tính bắt buộc, ép buộc)

Dạng chủ động:

Make + Person + V (nguyên thể) → Ép buộc ai làm việc họ không muốn.

Dạng bị động:

Khi chuyển sang bị động, động từ nguyên thể phải thêm chữ **to**.

Be made + to + V

Ví dụ minh họa chi tiết:

Chủ động: *My teacher made me apologize for being late.*

→ Giải thích: Giáo viên của tôi bắt tôi phải xin lỗi vì đến muộn.

Bị động: *I was made to apologize for being late by my teacher.*

→ Giải thích: Tôi bị bắt phải xin lỗi bởi giáo viên của mình.

C. Cấu trúc với LET & ALLOW (Mang tính cho phép)

Dạng chủ động:

- **Let + Person + V (nguyên thể)** → Cho phép ai làm gì.
- **Allow + Person + to + V** → Cho phép ai làm gì (Trang trọng hơn Let và bắt buộc có **to**).

Dạng bị động của LET:

Động từ **Let** không dùng thể bị động trực tiếp mà phải mượn cấu trúc của **Allow** hoặc **Permit**.

Be allowed / permitted + to + V

Ví dụ minh họa chi tiết:

Chủ động (LET): *John let me drive his new car.*

→ Giải thích: John cho phép tôi lái chiếc xe mới của anh ấy.

Chủ động (ALLOW): *My boss doesn't allow me to use the telephone.*

→ Giải thích: Sếp của tôi không cho phép tôi sử dụng điện thoại bàn.

Bị động (Chuyển từ câu LET): *I was allowed to drive John's new car.*

→ Giải thích: Tôi được phép lái chiếc xe mới của John.

D. Cấu trúc với HELP (Giúp đỡ)

Cấu trúc: **Help + Person + (to) V** → Giúp ai làm gì (Từ "to" có thể lược bỏ mà không đổi nghĩa).

Ví dụ minh họa chi tiết:

Ví dụ: *I helped Jim clean up the mess.* hoặc *I helped Jim to clean up the mess.*

→ Giải thích: Tôi giúp Jim dọn dẹp đồng bừa bộn.



MẸO GHI NHỚ NHANH CHO HỌC SINH:

- Chủ động:** Have + Người + V mẫu / Get + Người + to V (Nhớ câu thần chú: "Have người nguyên mẫu, Get người to-V").
- Bị động:** Vật đứng giữa (**Have/Get + Vật**) thì động từ phía sau luôn luôn chia ở dạng **V3/ed**.
- Bộ ba nguyên mẫu:** **Make, Let, Help** đi với động từ nguyên mẫu không "to" (riêng Help có thể linh hoạt dùng thêm to).
- Cộng từ có TO:** **Allow** và các từ đồng nghĩa như *permit, force, encourage, convince...* bắt buộc phải có **to + V**.

3. Bài Tập Thực Hành Ngay (10 Câu Chuyển Đổi Thể Bị Động)

Đề bài: Chuyển các câu chứa động từ chỉ nguyên nhân dưới đây sang thể bị động thích hợp.

Câu 1: The manager had his secretary type the annual report.

Câu 2: She is going to get the decorator to paint her living room tomorrow.

Câu 3: My father makes me clean the motorbike every Sunday morning.

Câu 4: They let the children play video games for one hour.

Câu 5: Dr. Smith had the nurse call the next patient into the clinic.

Câu 6: You should get a professional mechanic to check your car engine before the trip.

Câu 7: The strict football coach made the players run ten laps around the field.

Câu 8: My parents didn't let me go out late at night when I was a teenager.

Câu 9: I will have the tailor shorten this wool skirt for me.

Câu 10: We got the plumber to fix the leaking water pipe in the bathroom.

4. Đáp Án Chi Tiết Và Giải Thích

Đáp án Câu 1: *The manager had the annual report typed by his secretary.*

Giải thích: Áp dụng công thức bị động của HAVE với vật (the annual report) + V3/ed (typed).

Đáp án Câu 2: *She is going to get her living room painted by the decorator tomorrow.*

Giải thích: Áp dụng bị động của GET với vật (her living room) + V3/ed (painted).

Đáp án Câu 3: *I am made to clean the motorbike by my father every Sunday morning.*

Giải thích: Bị động của MAKE biến đổi thành "be made to V". Câu gốc ở hiện tại đơn nên chuyển thành "am made to clean".

Đáp án Câu 4: *The children were allowed to play video games for one hour.*

Giải thích: Bị động của LET chuyển thành "be allowed to V". Câu gốc ở quá khứ đơn (let-let-let) nên dùng "were allowed".

Đáp án Câu 5: *Dr. Smith had the next patient called into the clinic by the nurse.*

Giải thích: Bị động với cấu trúc HAVE + vật/người nhận tác động (the next patient) + V3/ed (called).

Đáp án Câu 6: *You should get your car engine checked by a professional mechanic before the trip.*

Giải thích: Bị động cấu trúc GET + vật (your car engine) + V3/ed (checked).

Đáp án Câu 7: *The players were made to run ten laps around the field by the strict football coach.*

Giải thích: Chuyển cấu trúc MAKE ở quá khứ sang bị động "were made to V".

Đáp án Câu 8: *I was not allowed to go out late at night by my parents when I was a teenager.*

Giải thích: "Didn't let" thể chủ động quá khứ chuyển thành phủ định của cấu trúc be allowed to: "was not allowed to".

Đáp án Câu 9: *I will have this wool skirt shortened by the tailor.*

Giải thích: Giữ nguyên thì tương lai đơn "will have", áp dụng cấu trúc bị động với vật (this wool skirt) + V3/ed (shortened).

Đáp án Câu 10: *We got the leaking water pipe in the bathroom fixed by the plumber.*

Giải thích: Áp dụng bị động cấu trúc GET ở quá khứ + vật (the leaking water pipe...) + V3/ed (fixed).